

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 20/2022/KDTM-ST
Ngày 26 – 8 – 2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Sĩ Hùng

Ông Ngô Hoàng Sơn

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Bích Như – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau tham gia phiên toà:
Ông Phạm Văn Đa – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sự thụ lý số: 12/2022/TLST-KDTM, ngày 28 tháng 4 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐXXST- KDTM ngày 21 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần V (gọi tắt là Ngân hàng V). Địa chỉ: Tầng 1, 3, 4, 5, 6 Tòa nhà Thaiholding Tower, số 210, đường Trần Quang Khải, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành Phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Phạm Doãn Sơn; Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Đ– Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng thương mại cổ phần V– Chi nhánh Cà Mau, theo Quyết định ủy quyền số 134 ngày 15/4/2022. Có mặt.

Bị đơn: Ông M, sinh năm 1962. Vắng mặt;

Bà C, sinh năm 1964. Vắng mặt.

Cùng nơi cư trú: Đường Lý Văn Lâm, khóm 5, phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18/4/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Đtrình bày:

Ngày 18/09/2020, ông M và bà C có đề nghị vay số tiền 2.560.000.000 đồng tại Ngân hàng V – Chi nhánh Cà Mau với mục đích bổ sung vốn kinh doanh vật liệu xây

dựng. Đến ngày 25/09/2020, ông M, bà B đã ký hợp đồng hạn mức tín dụng số: HDTD930202000766 ngày 25 tháng 9 năm 2020 với Ngân hàng V - Chi nhánh Cà Mau. Hai bên thống nhất việc Ngân hàng cho vay tiền theo nội dung thỏa thuận sau đây: Số tiền cho vay: 2.560.000.000 đồng; mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh vật liệu xây dựng; Thời hạn cho vay: 12 tháng; lãi suất tiền vay: 9,2%/năm, điều chỉnh 03 tháng/lần theo quy định ngân hàng; lãi phạt quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn; trả nợ gốc: Gốc trả theo dòng tiền về từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Khách hàng nhưng tối đa không quá 06 tháng; trả nợ lãi: Lãi trả hàng tháng, giải ngân lần gần nhất là 29/3/2021 với số tiền 2.560.000.000 đồng.

Để đảm bảo khoản vay ông M, bà B có ký hợp đồng thuê chấp quyền sử dụng đất số 11120- CM/HĐTC – LienVietPostBank ngày 25 tháng 9 năm 2020, thế chấp quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 280816, số vào sổ cấp GCN: CS 00857 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Cà Mau cấp cho ông M, bà C ngày 01/09/2017 cụ thể: Thửa đất số 136; Tờ bản đồ số 78; Địa chỉ thửa đất: Phường 9, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau; Diện tích 218,4 m²; Hình thức sử dụng: riêng: 218,4 m²; Mục đích sử dụng: Đất ở 100,0 m², đất trồng cây lâu năm 118,4m²; Thời hạn sử dụng: Đất ở lâu dài; đất trồng cây lâu năm: Đến ngày 01/07/2064. Được đăng ký thế chấp ngày 25 tháng 9 năm 2020 theo đúng quy định.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng ông M, bà B đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 22/3/2022 và nhận nợ theo khế ước nhận nợ sau: Khế ước nhận nợ 930202000766/04, ngày 23/09/2021 số tiền 2.560.000.000 đồng. Kể từ ngày 23/09/2021 đến ngày 22/03/2022 ông M, bà B đã thanh toán được số tiền, cụ thể: Tiền gốc đã trả: 34.0 đồng; Tiền lãi đã trả: 110.525.526 đồng; Kể từ ngày 23/03/2022 đến ngày 14/04/2022 ông M, bà B đã chậm thanh toán số tiền, cụ thể: Tiền nợ gốc: 2.559.999.966 đồng; Tiền lãi trong hạn là 19.838.091 đồng; Tiền lãi quá hạn là 26.389.380 đồng.

Tuy ông M, bà B đã được Ngân hàng nhiều lần làm việc trực tiếp, đôn đốc, kéo dài thời gian để tạo điều kiện cho ông M, bà B có thời gian thanh toán hết nợ cho Ngân hàng, nhưng vẫn chưa thanh toán được khoản nợ vay. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử ông B và bà M đã thanh toán cho Ngân hàng được 07 đợt với tổng số tiền 1.000.000.050 đồng, cụ thể như sau: Ngày 30/4/2022 trả số tiền vốn là 4 đồng; ngày 31/4/2022 trả số tiền vốn là 4 đồng; ngày 01/5/2022 trả số tiền là 4 đồng; ngày 30/6/2022 trả số tiền vốn là 30.000.004 đồng; ngày 27/7/2022 trả số tiền vốn là 50.000.000 đồng; ngày 31/7/2022 trả số tiền vốn là 4 đồng; ngày 16/8/2022 trả số tiền vốn là 500.000.000 đồng.

Do ông M, bà B không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ đầy đủ cho Ngân hàng V nên đã vi phạm các điều khoản thỏa thuận về nghĩa vụ thanh toán của hợp đồng tín dụng đã ký kết. Vì vậy, Ngân hàng V yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông M, bà B có trách nhiệm thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi tính đến ngày 14/04/2022 cho Ngân hàng V với tổng số tiền là 2.606.227.437 đồng và tiền lãi tiếp tục phát sinh cho đến khi ông M, bà B thực hiện xong nghĩa vụ ngay thanh toán số nợ trên và yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa, Ngân hàng V thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Mẫn và bà Bé phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền đến ngày xét xử sơ thẩm là 26/8/2022 là 1.761.541.950 đồng, trong đó tiền vốn là 1.559.999.950 đồng; tiền lãi 201.542.000 đồng, và phải thanh toán phần nợ lãi phát sinh đối với số nợ còn lại theo quy định trong Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký kết với Ngân hàng V kể từ sau 26/8/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp ông M, bà B không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng V được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi toàn bộ tài sản theo hợp đồng thế chấp nêu trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng nhận thấy về hiện trạng tài sản thế chấp không thay đổi so với tài sản tại thời điểm ký kết hợp đồng thế chấp và đăng ký thế chấp cho nên không yêu cầu Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp trong vụ án.

Đối với ông M, bà C trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập đương sự để xét xử hợp lệ, song ông M, bà C không có ý kiến gì, không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt không rõ lý do, nên vụ án được tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo luật định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau phát biểu quan điểm:
Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và nguyên đơn chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của đương sự được pháp luật quy định; Bị đơn vắng mặt không tham gia hòa giải, xét xử vụ án là tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí bị đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Tranh chấp của các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng và khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền của Tòa án giải quyết: Bị đơn M, bà C có nơi cư trú đường Lý Văn Lâm, khóm 5, phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau đối chiếu với quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau nên Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau thụ lý và đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về việc nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện: Tại đơn khởi kiện ngày 18/4/2022, nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 14/04/2022 theo hợp đồng hạn mức tín dụng số HDTD930202000766 ngày 25 tháng 9 năm 2020 với tổng số tiền là 2.606.227.437

đồng và lãi tiếp tục phát sinh cho đến khi bị đơn thực hiện xong nghĩa vụ ngay thanh toán số nợ trên và yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Tuy nhiên, tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/8/2022) theo hợp đồng hạn mức tín dụng số HDTD930202000766 ngày 25 tháng 9 năm 2020 với tổng số tiền vốn và lãi là 1.761.541.950 đồng và lãi tiếp tục phát sinh cho đến khi bị đơn thực hiện xong nghĩa vụ ngay thanh toán số nợ trên và yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, không bị ai ép buộc và không vượt quá phạm vi khởi kiện của nguyên đơn nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[1.4] Về sự vắng mặt của bị đơn: Ông M, bà C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo luật định.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về nội dung tranh chấp giữa các đương sự là hợp đồng hạn mức tín dụng số: HDTD930202000766 ngày 25 tháng 9 năm 2020 (gọi tắt: Hợp đồng tín dụng) về việc nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 2.560.000.000 đồng với mục đích bổ sung vốn kinh doanh vật liệu xây dựng; hợp đồng thuê chấp quyền sử dụng đất số 11120-CM/HĐTC – LienVietPostBank ngày 25 tháng 9 năm 2020 (gọi tắt: Hợp đồng thế chấp), thế chấp quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 280816, số vào sổ cấp GCN: CS 00857 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 01/09/2017 cho ông M, bà C đứng tên để đảm bảo khoản nợ vay. Quá trình thực hiện các hợp đồng trên nguyên đơn cho rằng bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và khoản lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng nên yêu cầu thanh toán toàn bộ số tiền vốn và lãi theo hợp đồng tín dụng nêu trên nên các bên phát sinh tranh chấp.

[2.2] Về hiệu lực của hợp đồng: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Xét thấy hợp đồng tín dụng; hợp đồng thế chấp và các giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ liên quan đến các hợp đồng nêu trên được nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận ký kết trên tinh thần tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, không trái với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội; Về nội dung và hình thức phù hợp với quy định pháp luật, riêng hợp đồng thế chấp có đăng ký thế chấp đúng với quy định của pháp luật cho nên hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp và các giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ liên quan đến các hợp đồng nêu trên có hiệu lực và các bên tham gia ký kết hợp đồng phải có nghĩa vụ thực hiện.

[2.3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.3.1] Tại phiên tòa, nguyên đơn cho rằng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ đầy đủ cho nguyên đơn nên đã vi phạm hợp đồng tín dụng. Hiện tại bị đơn còn nợ nguyên đơn theo hợp đồng tín dụng với tổng số tiền cả vốn và lãi tính đến ngày 26/8/2022 là 1.761.541.950 đồng. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền đến ngày xét xử sơ thẩm là 1.761.541.950 đồng, trong đó tiền vốn là 1.559.999.950 đồng; tiền lãi

201.542.000 đồng, và phải thanh toán phần nợ lãi phát sinh đối với số nợ còn lại theo quy định trong Hợp đồng tín dụng và giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ đã ký kết với nguyên đơn kể từ sau 26/8/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nêu trên phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và bị đơn không có ý kiến gì, cũng không phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho nên yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên được chấp nhận.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 26/8/2022, bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng V thì lãi suất mà bị đơn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng V theo bản án của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Ngân hàng V phải trả cho bị đơn các loại giấy tờ đã được liệt kê trong hợp đồng thế chấp khi các nghĩa vụ được bảo đảm bằng tài sản này đã được bị đơn thanh toán xong.

[2.3.2] Xét yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho nguyên đơn. Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 280816, số vào sổ cấp GCN: CS 00857 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 01/9/2017 cho ông M, bà bà C đứng tên đối với Thửa đất số 136; Tờ bản đồ số 78; Địa chỉ thửa đất: Phường 9, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau; Diện tích 218,4 m²; Hình thức sử dụng: riêng: 218,4 m²; Mục đích sử dụng: Đất ở 100,0 m², đất trồng cây lâu năm 118,4m²; Thời hạn sử dụng: Đất ở lâu dài; Đất trồng cây lâu năm: Đến ngày 01/07/2064; Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất: 100,0m² QDT; Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất: 118,4m² CLN. Xét thấy việc thế chấp tài sản tại hợp đồng thế chấp có tại hồ sơ vụ án là để đảm bảo khoản nợ vay, theo hợp đồng thế chấp có quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của các bên, khi thế chấp các bên cũng đã xác định người chủ sở hữu của tài sản. Về nguyên tắc xử lý tài sản thế chấp đã được các bên thỏa thuận tại hợp đồng thế chấp, khi phát sinh tranh chấp được xử lý theo thỏa thuận, theo quy định pháp luật giao cho Cơ quan thi hành án phát mãi là hoàn toàn phù hợp với pháp luật cho nên yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của nguyên đơn để thu hồi nợ là có cơ sở nên được chấp nhận.

Từ những phân tích, đánh giá và nhận định nêu trên cho nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.6] Về án phí kinh doanh thương mại có giá ngạch bị đơn phải chịu theo quy định. Bị đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 30, 92, 144, 147, 227, 228, 244, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 298, 299, 317, 318, 323, 327 Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V.

- Buộc ông M, bà C có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần V tổng số tiền tính đến ngày 26/8/2022 là 1.761.541.950 đồng, trong đó tiền vốn gốc là 1.559.999.950 đồng, tiền nợ lãi là 201.542.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 26/8/2022, ông M, bà B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng V thì lãi suất mà ông M, bà B phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng V theo Bản án của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Ngân hàng V phải trả cho ông M, bà B các loại giấy tờ đã được liệt kê trong hợp đồng thế chấp khi các nghĩa vụ được bảo đảm bằng tài sản đã được ông M, bà B thanh toán xong.

- Buộc ông M, bà C phải có trách nhiệm giao các tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 11120 – CM/HĐTC – LienVietPostBank ngày 25 tháng 9 năm 2020 cho Cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp theo quy định trong trường hợp ông M, bà B không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ nêu trên.

2. Về án phí kinh doanh thương mại có giá ngạch ông M, bà C phải chịu là 64.846.239 đồng (chưa nộp). Ngân hàng thương mại cổ phần V không phải chịu án phí. Ngày 27/4/2022 đã dự nộp số tiền 42.062.000 đồng tại lai số 0001247 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được nhận lại toàn bộ khi bản án có hiệu lực.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND Tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Lưu Hồ sơ;
- Lưu Án văn (VPTANDTPCM);
- Lưu VT (TM.TANDTPCM)

Nguyễn Văn Linh